

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO đệ trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 3600975839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2008, thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 12 năm 2014, Vốn điều lệ: 55.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch
	Ông Mai Quốc Chính	Ủy viên
	Ông Trần Văn Phú	Ủy viên
	Bà Lê Thị Liễu	Ủy viên
	Bà Vũ Thị Hiền	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Cao Hà	Giám đốc
	Ông Nguyễn Quang Đồng	Phó Giám đốc
	Ông Hoàng Văn Khoa	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/12/2014)
	Ông Nguyễn Quốc Dương	Phó Giám đốc
	Ông Phạm Văn Hiến	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/12/2014 và miễn nhiệm ngày 15/01/2015)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Cao Hà
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 07 tháng 4 năm 2015

Số: 309/2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính năm 2014
của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO, được lập ngày 07/4/2015, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Đình Văn Thắng

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2015

Nguyễn Tiên Trinh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2013-075-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		137.903.960.876	148.262.065.709
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	23.799.290.357	29.071.273.510
1. Tiền	111		4.799.290.357	4.071.273.510
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.000.000.000	25.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	5.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.000.000.000	5.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.535.751.265	89.848.752.810
1. Phải thu khách hàng	131		91.677.290.416	88.733.659.113
2. Trả trước cho người bán	132		991.312.881	54.440.027
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	3.963.422.993	1.156.928.695
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(96.275.025)	(96.275.025)
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	8.222.662.569	23.951.516.394
1. Hàng tồn kho	141		8.222.662.569	23.951.516.394
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		4.346.256.685	390.522.995
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	287.506.449	255.922.995
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.699.204.125	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.6	157.875.242	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	1.201.670.869	134.600.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		37.530.627.379	36.844.138.841
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		37.117.753.026	36.333.745.192
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	35.788.497.348	33.495.948.352
- Nguyên giá	222		76.435.279.667	68.076.589.617
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.646.782.319)	(34.580.641.265)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	1.329.255.678	2.837.796.840
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		412.874.353	510.393.649
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	332.874.353	230.393.649
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.11	80.000.000	280.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		175.434.588.255	185.106.204.550

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		84.932.762.715	111.873.298.736
I- Nợ ngắn hạn	310		77.551.278.147	85.792.521.572
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	52.856.360.851	43.413.645.352
2. Phải trả người bán	312		13.130.934.930	30.831.949.414
3. Người mua trả tiền trước	313		1.260.420.417	1.350.515.187
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	1.425.513.898	2.480.766.008
5. Phải trả người lao động	315		2.049.772.874	3.176.621.374
6. Chi phí phải trả	316	5.14	2.519.266.672	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	2.176.770.115	2.572.532.504
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.132.238.390	1.966.491.733
II- Nợ dài hạn	330		7.381.484.568	26.080.777.164
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	7.381.484.568	5.592.355.568
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	5.17	-	20.488.421.596
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		90.501.825.540	73.232.905.814
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	90.501.825.540	73.232.905.814
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.000.000.000	55.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.764.926.622	7.514.516.796
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.598.593.390	2.201.431.733
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.138.305.528	8.516.957.285
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		175.434.588.255	185.106.204.550

Đồng Nai, ngày 07 tháng 4 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Văn Ngọc

Vũ Thị Hiền

Nguyễn Cao Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	149.963.758.776	150.701.255.215
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		149.963.758.776	150.701.255.215
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	136.962.087.275	129.623.055.181
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		13.001.671.501	21.078.200.034
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	2.393.437.870	2.021.225.203
7. Chi phí tài chính	22	5.22	4.285.907.561	4.070.146.936
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.467.760.872	3.931.475.900
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.23	8.532.015.747	8.825.555.245
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		2.577.186.063	10.203.723.056
11. Thu nhập khác	31	5.24	24.131.139.417	771.970.362
12. Chi phí khác	32	5.24	125.848.179	275.764.643
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		24.005.291.238	496.205.719
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		26.582.477.301	10.699.928.775
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	2.017.895.918	2.756.695.635
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		24.564.581.383	7.943.233.140
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	4.466	1.444

Người lập



Trần Văn Ngọc

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hiền

Đồng Nai, ngày 07 tháng 4 năm 2015

Giám đốc



Nguyễn Cao Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	26.582.477.301	10.699.928.775
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	2	6.066.141.054	7.471.901.990
- Các khoản dự phòng	3	(20.488.421.596)	68.047.753
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	80.062.946	37.265.724
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(1.942.665.823)	(1.693.700.965)
- Chi phí lãi vay	6	3.467.760.872	3.931.475.900
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	13.765.354.754	20.514.919.177
- Tăng/giảm các khoản phải thu	9	(10.080.944.587)	(19.675.230.906)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	15.728.853.825	16.284.762.009
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	(18.421.571.120)	4.926.639.183
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(54.443.166)	68.014.799
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.467.760.872)	(3.942.905.145)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.274.022.486)	(2.533.016.164)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	21.429.245
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(529.915.000)	(115.385.030)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.334.448.652)	15.549.227.168
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(6.929.769.880)	(4.488.372.581)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(5.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.303.128.143	1.692.778.040
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.626.641.737)	(7.795.594.541)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	145.257.986.107	99.778.992.913
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(134.303.162.435)	(84.123.101.564)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.182.700.000)	(7.046.650.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.772.123.672	8.609.240.474
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(5.188.966.717)	16.362.873.101
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	29.071.273.510	12.697.534.014
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	(83.016.436)	10.866.395
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	23.799.290.357	29.071.273.510

Đồng Nai, ngày 07 tháng 4 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Văn Ngọc

Vũ Thị Hiền

Nguyễn Cao Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 3600975839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2008, thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 12 năm 2014.

Tên tiếng nước ngoài: IDICO MACHINERY ERECTION CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT - STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ: 55.000.000.000 đồng.

Cổ đông	Giá trị vốn góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu
1. Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	11.068.910.000	20,13%
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Idico	2.644.240.000	4,81%
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí Idico	486.850.000	0,89%
4. Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Idico	2.856.650.000	5,19%
5. Các cổ đông khác	37.943.350.000	68,98%
Tổng	55.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Số lao động bình quân trong năm 2014 là: 142 người (Năm 2013 là: 118 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cung cấp điện, nước cho các công trình;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại: Gia công, lắp đặt các bể chứa có dung tích lớn vừa và nhỏ, các bình, bồn áp lực, hệ thống đường ống áp lực cho các loại dây chuyền công nghệ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn vật tư, thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại: sản xuất, lắp dựng kết cấu thép, khung nhà công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm): gia công, lắp đặt lò hơi trung, cao áp;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng, lắp đặt đường dây, trạm biến áp và trạm phân phối điện đến 500KV. Gia công lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình xử lý nước thải;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: Gia công lắp đặt các thiết bị phi tiêu chuẩn. Lắp đặt thiết bị, máy móc và dây chuyền công nghệ. Gia công lắp đặt cầu trục, thiết bị nâng cho các nhà máy, sản công nghiệp, cảng biển và sông;
- Xây dựng nhà các loại; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công, lắp đặt thiết bị cho nhà máy thủy điện, nhiệt điện, xi măng, công nghệ giấy, dầu khí; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô, xe chuyên dùng (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật); vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa. Dịch vụ kho ngoại quan. (trừ cho thuê kho bãi);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (chỉ hoạt động khi có điều kiện theo quy định của pháp luật); hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (chỉ hoạt động khi có điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Bốc xếp hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải hàng biển; giao nhận hàng hóa; hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; gửi hàng; thu, phát các chứng từ vận tải vận đơn; môi giới thuê phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy; hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, vé xe khách; hoặc động dịch vụ hỗ trợ khách liên quan đến vận tải như: lấy mẫu, cân hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; phá dỡ; chuẩn bị mặt bằng; lắp đặt hệ thống điện; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; hoàn thiện công trình xây dựng; hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh bất động sản.

Hoạt động chính trong năm 2014 là: Xây dựng, gia công lắp đặt các thiết bị phi tiêu chuẩn, gia công, lắp đặt thiết bị cho nhà máy thủy điện, nhiệt điện, xi măng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư Phát Triển Việt Nam. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư Phát Triển Việt Nam. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm 2014</u> (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc và thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	03 - 08
Tài sản khác	05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ và chi phí sửa chữa được phân bổ ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận: Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	115.861.575	173.516.562
Tiền gửi ngân hàng	4.683.428.782	3.897.756.948
Các khoản tương đương tiền (*)	19.000.000.000	25.000.000.000
Tổng	23.799.290.357	29.071.273.510

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng của Hợp đồng tiền gửi số 07/2013/HDTG/BIDV-LAMA ngày 16 tháng 7 năm 2013 và các Hợp đồng 05, 06, 07/2014/HDTG/BIDV-LAMA lần lượt ngày 11 tháng 6 năm 2014; ngày 28 tháng 7 năm 2014 và ngày 10 tháng 7 năm 2014 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai với lãi suất từ 4% đến 5,15%/năm. Các Hợp đồng tiền gửi này sẽ tự động kết chuyển khi hết thời hạn hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.2 Đầu tư ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng	5.000.000.000	5.000.000.000

(*) Khoản đầu tư ngắn hạn khác phản ánh giá trị tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng theo Hợp đồng tiền gửi số 11/2013/HĐTG/BIDV-LAMA ngày 18 tháng 11 năm 2013 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai với lãi suất 6,25%/năm. Hợp đồng tiền gửi này sẽ tự động kết chuyển khi hết thời hạn hợp đồng.

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	-	820.274.713
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011, 2012, 2013 được hoàn	2.737.818.273	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	639.537.680	-
Các khoản phải thu khác	586.067.040	336.653.982
Tổng	3.963.422.993	1.156.928.695

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.836.232.446	6.082.411.548
Công cụ dụng cụ	90.094.403	159.434.025
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.296.335.720	17.709.670.821
Tổng	8.222.662.569	23.951.516.394

5.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	287.506.449	255.922.995
Tổng	287.506.449	255.922.995

5.6 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế xuất nhập khẩu tạm nộp	157.875.242	-
Tổng	157.875.242	-

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	1.201.670.869	134.600.000
Tổng	1.201.670.869	134.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	hữu hình khác	TSCĐ	
						Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2014	29.453.486.003	33.960.106.676	4.617.696.574	45.300.364		68.076.589.617
Tăng trong năm	2.683.626.414	1.491.550.000	4.183.513.636	-		8.358.690.050
Mua trong năm	-	1.242.860.000	4.183.513.636	-		5.426.373.636
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.683.626.414	248.690.000	-	-		2.932.316.414
Giảm trong năm	-	-	-	-		-
Số dư tại 31/12/2014	32.137.112.417	35.451.656.676	8.801.210.210	45.300.364		76.435.279.667
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2014	4.204.317.265	27.395.075.987	2.935.947.649	45.300.364		34.580.641.265
Tăng trong năm	1.680.814.847	3.748.390.363	636.935.844	-		6.066.141.054
Khấu hao trong năm	1.680.814.847	3.748.390.363	636.935.844	-		6.066.141.054
Giảm trong năm	-	-	-	-		-
Số dư tại 31/12/2014	5.885.132.112	31.143.466.350	3.572.883.493	45.300.364		40.646.782.319
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2014	25.249.168.738	6.565.030.689	1.681.748.925	-		33.495.948.352
Tại 31/12/2014	26.251.980.305	4.308.190.326	5.228.326.717	-		35.788.497.348

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là: 27.204.748.550 đồng (tại 31/12/2013: 10.008.016.150 đồng).

Công ty đã thế chấp tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 4.727.579.402 đồng (tại 31/12/2013: 8.492.040.919 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	2.837.796.840	9.307.839.207
Tăng trong năm	1.510.180.144	3.943.563.490
Kết chuyển sang tài sản cố định	2.932.316.414	10.361.089.512
Giảm khác qua chi phí trả trước 142	79.620.992	52.516.345
Giảm khác	6.783.900	-
Tại ngày 31 tháng 12	1.329.255.678	2.837.796.840

<i>Chi tiết theo nội dung</i>	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thiết bị cầu trục phục vụ lắp đặt phần Nhà xưởng mở rộng	-	248.690.000
Gia công Cầu trục 5 tấn	223.902.511	-
Gia công máy chấn tôn 750 tấn	1.025.382.219	-
Gia công giường công nhân	79.970.948	-
Mái hiện lưu động tại nhà xưởng: Mái hiện lưu động	-	45.088.088
Nhà xưởng gia công chế tạo thép không gỉ	-	2.544.018.752
Tổng	1.329.255.678	2.837.796.840

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	230.393.649	56.566.294
Tăng trong năm	411.404.374	424.882.546
Phân bổ vào chi phí trong năm	308.923.670	251.055.191
Tại ngày 31 tháng 12	332.874.353	230.393.649

<i>Chi tiết theo nội dung</i>	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công cụ, dụng cụ phân bổ dài hạn	332.874.353	230.393.649
Tổng	332.874.353	230.393.649

5.11 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	80.000.000	280.000.000
Tổng	80.000.000	280.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.12 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay tổ chức tín dụng	49.430.360.851	37.963.681.352
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai (*)	47.304.442.625	37.963.681.352
Ngân hàng Shinhan Bank - CN Đồng Đăng Nai (**)	2.125.918.226	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.426.000.000	5.449.964.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Đăng Nai	3.426.000.000	5.449.964.000
Tổng	52.856.360.851	43.413.645.352

(*) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/2184159/HĐTD ngày 12/6/2014

Số tiền được vay	60.000.000.000 đồng
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động, mở và thanh toán L/C
Thời hạn vay	12 tháng
Lãi suất vay	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.
Hình thức đảm bảo tiền vay	Hình thức đảm bảo tiền vay là tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại ngân hàng và tổ chức tín dụng khác, các khoản phải thu, hợp đồng thế chấp tài sản.
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2014	47.304.442.625 đồng

() Hợp đồng tín dụng hạn mức số 130-000-228307 ngày 21/10/2014**

Số tiền được vay	300.000 USD
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động
Thời hạn vay	12 tháng
Lãi suất vay	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.
Hình thức đảm bảo tiền vay	Hình thức đảm bảo tiền vay là tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng.
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2014	2.125.918.226 đồng

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.148.601.807
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.384.005.985	1.274.022.486
Thuế thu nhập cá nhân	41.507.913	58.141.715
Tổng	1.425.513.898	2.480.766.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Gia công khung thép, hệ thống thông gió - Hợp đồng số 61/HĐKT	3.115.531	-
Gia công vận chuyển kết cấu thép và xây lắp hệ thống nhà xưởng, kho - NMDP DHG	8.893.176	-
Gia công ống, bích cho Possco	2.058.692	-
Sửa chữa, lắp đặt, thay thế gầu tải NMXM Chinfon	30.211.647	-
Cung cấp gia công kết cấu thép Po 1201;1216;1264;1406;140	128.113.198	-
Gia công cầu trục cho Công ty Konec Ranes Vn	31.483.146	-
Gia công hàng xuất khẩu cho Công ty Danieli	2.260.827.075	-
Các khoản trích trước khác	54.564.207	-
Tổng	2.519.266.672	-

5.15 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	506.071.809	962.976.779
Bảo hiểm xã hội	6.095.966	1.504.053
Bảo hiểm y tế	10.127.000	-
Phải trả cổ tức	475.800.000	58.500.000
Phải trả khác	1.178.675.340	1.549.551.672
Tổng	2.176.770.115	2.572.532.504

5.16 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đồng Nai (*)	7.381.484.568	5.592.355.568
Tổng	7.381.484.568	5.592.355.568

Chi tiết lịch trả nợ vay dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.426.000.000	5.449.964.000
Trong năm thứ hai	7.381.484.568	5.592.355.568
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	-
<i>Trừ khoản đã phân loại sang nợ ngắn hạn</i>	3.426.000.000	5.449.964.000
Tổng	7.381.484.568	5.592.355.568

(*) Hợp đồng tín dụng hạn mức số HĐ 02/2012/HĐTD ngày 08/8/2012

Số tiền được vay	7.000.000.000 đồng
Mục đích vay	Đầu tư xây dựng dự án " Nhà xưởng chính Lama - IDICO mở rộng
Thời hạn vay	60 tháng
Lãi suất vay	Lãi suất cho vay trong hạn 15%/ năm và được điều chỉnh 3 tháng/ lần
Hình thức đảm bảo tiền vay	Hợp đồng thế chấp
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2014	3.500.000.000 đồng

5.16 Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)

(*) Hợp đồng tín dụng hạn mức số HĐ 01/2013/HĐ ngày 17/6/2013

Số tiền được vay	4.000.000.000 đồng
Mục đích vay	Đầu tư xây dựng nhà xưởng gia công thép không gỉ.
Thời hạn vay	60 tháng
Lãi suất vay	theo thông báo của ngân hàng tại ngày giải ngân và sau đó được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo thông báo lãi suất của BIDV
Hình thức đảm bảo tiền vay	Thế chấp, cầm cố tài sản là các tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2013/HĐTC ngày 17/6/2013 và các phụ lục, văn bản sửa đổi.
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2014	1.307.484.568 đồng

(*) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2014/2184159/HĐTD ngày 28/10/2014

Số tiền được vay	2.390.000.000 đồng
Mục đích vay	Mua xe ô tô hiệu Lexus RX350
Thời hạn vay	60 tháng
Lãi suất vay	theo thông báo của ngân hàng tại ngày giải ngân và sau đó được điều chỉnh 6 tháng 1 lần theo thông báo lãi suất của BIDV
Hình thức đảm bảo tiền vay	tài sản hình thành trong tương lai và toàn bộ tài sản của Công ty hiện đang thế chấp
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2014	1.790.000.000 đồng

(*) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2014/2184159/HĐTD ngày 26/12/2014

Số tiền được vay	980.000.000 đồng
Mục đích vay	Mua xe ô tô khách 29 chỗ hiệu Hyundai e - County 2-2
Thời hạn vay	60 tháng
Lãi suất vay	Áp dụng 10%/năm từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 01/04/2015, sau đó được điều chỉnh 06 tháng 1 lần theo thông báo lãi suất của BIDV
Hình thức đảm bảo tiền vay	tài sản hình thành trong tương lai và toàn bộ tài sản của Công ty hiện đang thế chấp
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2014	784.000.000 đồng

5.17 Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Lắp đặt cơ khí thủy công		
Nhà máy Thủy điện Đak Mi 4	-	16.209.445.705
Lắp đặt cơ điện Nhà máy Thủy điện Đak Mi 4	-	2.663.368.759
Gia công hàng xuất khẩu Công ty Danieli	-	1.615.607.132
Tổng	-	20.488.421.596

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2013	55.000.000.000	7.045.514.052	1.592.227.000	10.727.136.355	74.364.877.407
Tăng trong năm	-	469.002.744	609.204.733	7.943.233.140	9.021.440.617
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	7.943.233.140	7.943.233.140
Phân phối lợi nhuận	-	469.002.744	609.204.733	-	1.078.207.477
Giảm trong năm	-	-	-	10.153.412.210	10.153.412.210
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	8.250.000.000	8.250.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	469.002.744	469.002.744
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	609.204.733	609.204.733
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	609.204.733	609.204.733
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	216.000.000	216.000.000
Số dư tại 31/12/2013	55.000.000.000	7.514.516.796	2.201.431.733	8.516.957.285	73.232.905.814
Số dư tại 01/01/2014	55.000.000.000	7.514.516.796	2.201.431.733	8.516.957.285	73.232.905.814
Tăng trong năm	-	332.909.826	397.161.657	24.564.581.383	25.294.652.866
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	24.564.581.383	24.564.581.383
Phân phối lợi nhuận	-	332.909.826	397.161.657	-	730.071.483
Giảm trong năm	-	82.500.000	-	7.943.233.140	8.025.733.140
Chia cổ tức năm 2013 (*)	-	-	-	6.600.000.000	6.600.000.000
Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	332.909.826	332.909.826
Quỹ dự Phòng Tài chính (*)	-	-	-	397.161.657	397.161.657
Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	397.161.657	397.161.657
Thù lao Hội đồng Quản trị (*)	-	-	-	216.000.000	216.000.000
Giảm khác	-	82.500.000	-	-	82.500.000
Số dư tại 31/12/2014	55.000.000.000	7.764.926.622	2.598.593.390	25.138.305.528	90.501.825.540

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2014 theo đó Công ty trích Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi với cùng tỷ lệ 5% tương đương với 397.161.657 đồng, Quỹ đầu tư phát triển với 332.909.826 đồng, chia Cổ tức cổ phiếu 12% trên Vốn điều lệ tương đương với 6.600.000.000 đồng, chi trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký: 216.000.000 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	11.068.910.000	11.068.910.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	2.644.240.000	2.644.240.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	486.850.000	486.850.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	2.856.650.000	2.856.650.000
Vốn góp của đối tượng khác	37.943.350.000	37.943.350.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-
Tổng	55.000.000.000	55.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	55.000.000.000	55.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	55.000.000.000	55.000.000.000
Cổ tức	6.600.000.000	8.250.000.000
Lợi nhuận đã phân phối	1.343.233.140	1.903.412.210

d. Cổ phiếu

	31/12/2014 CP	01/01/2014 CP
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/Cổ phiếu</i>		

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu hoạt động xây dựng	149.931.841.276	146.474.967.304
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác	31.917.500	4.226.287.911
Tổng	149.963.758.776	150.701.255.215

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	136.930.740.487	126.026.974.164
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ khác	31.346.788	3.596.081.017
Tổng	136.962.087.275	129.623.055.181

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.942.665.823	1.693.700.965
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	126.215.690	327.524.238
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	324.556.357	-
Tổng	2.393.437.870	2.021.225.203

5.22 Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	3.467.760.872	3.931.475.900
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	413.527.386	101.405.312
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	404.619.303	37.265.724
Tổng	4.285.907.561	4.070.146.936

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.892.408.129	5.666.438.635
Chi phí vật liệu quản lý	380.512.926	283.722.059
Chi phí đồ dùng văn phòng	208.066.692	238.397.245
Chi phí khấu hao TSCĐ	292.672.098	413.645.002
Thuế, phí và lệ phí	378.514.249	687.630.612
Chi phí dự phòng	-	96.275.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	386.558.399	466.184.616
Chi phí bằng tiền khác	993.283.254	973.262.051
Tổng	8.532.015.747	8.825.555.245

5.24 Lợi nhuận khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Nhượng lại điện sử dụng	-	26.544.276
Cho thuê mặt bằng lưu thông hàng hóa	357.000.000	618.301.368
Hoàn nhập dự phòng chi phí bảo hành công trình	20.335.338.131	-
Thuế TNDN được hoàn năm 2011, 2012, 2013	3.397.070.286	-
Thu nhập khác	41.731.000	127.124.718
Tổng	24.131.139.417	771.970.362
<i>Chi phí khác</i>		
Chi phí khác	125.848.179	275.764.643
Tổng	125.848.179	275.764.643
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	24.005.291.238	496.205.719

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán	26.582.477.301	10.699.928.775
Các khoản điều chỉnh tăng	52.227.747	326.853.766
- Các khoản chi phí không hợp lý	25.362.080	58.777.653
- Chi phí phạt vi phạm hành chính	26.865.667	230.810.389
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	37.265.724
Các khoản điều chỉnh giảm	3.638.610.206	-
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	241.539.920	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được hoàn từ các năm trước do ưu đãi thuế	3.397.070.286	-
Thu nhập chịu thuế	22.996.094.842	11.026.782.541
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chính	22.723.212.021	8.783.178.488
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	22%	25%
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động khác	272.882.821	2.243.604.053
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	22%	25%
Thuế TNDN phát sinh trong năm	5.059.140.865	2.756.695.635
Thuế TNDN được miễn, giảm trong năm (*)	3.294.865.743	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	253.620.796	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.017.895.918	2.756.695.635

(*) Công ty được miễn giảm theo Quyết định về việc hoàn thuế TNDN kiêm bù trừ thu Ngân sách Nhà nước số 33267/QĐ-CT ngày 22/12/2014 theo đó Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN 15% trong thời gian 12 năm kể từ năm bắt đầu hoạt động năm 2008 theo quy định tại Tiết b, Khoản 2 Điều 34, Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ và Công ty được miễn 3 năm kể từ năm 2008 và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 7 năm tiếp theo bắt đầu từ năm 2011 theo quy định tại Khoản 4 Điều 35 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính Phủ đối cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	24.564.581.383	7.943.233.140
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	24.564.581.383	7.943.233.140
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	5.500.000	5.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.466	1.444

5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	88.125.043.352	70.850.448.867
Chi phí nhân công	21.889.738.641	24.016.264.155
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.066.141.054	7.471.901.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.529.056.830	13.822.240.925
Chi phí khác bằng tiền	2.198.026.834	2.372.865.188
Tổng	131.808.006.711	118.533.721.125

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1** Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng Thù lao	1.310.109.000 216.000.000	909.773.000 216.000.000
Tổng		1.526.109.000	1.125.773.000

Giao dịch bán:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) - TNHH MTV	Công ty mẹ	Giá trị xây lắp	-	4.325.785.454
Ban quản lý Nhà máy Thủy điện Dakmi 4	Cùng Tổng Công ty	Xây lắp và cung cấp vật tư	14.927.622.614	27.395.863.687
Công ty CP PT Đường Cao tốc Biên Hòa VT	Cùng Tổng Công ty	Giá trị xây lắp	1.672.739.091	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	Cùng Tổng Công ty	Giá trị xây lắp	165.673.409	936.433.315
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí IDICO tại TP.HCM	Cùng Tổng Công ty	Giá trị xây lắp	-	8.583.129.728
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	Cùng Tổng Công ty	Xây dựng	6.414.927.537	2.998.821.195
Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Cùng Tổng Công ty	Giá trị xây lắp	-	44.160.000
Tổng			23.180.962.651	44.284.193.379

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch mua:**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	Cùng Tổng Công ty	Tiền thuê văn phòng, thuê đất	889.225.363	857.684.480
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị - IDICO (UDICO)	Cùng Tổng Công ty	Tiền điện	1.087.636.802	819.240.750
Công ty Cổ phần Kiểm Định Xây Dựng IDICO - Vinacontrol	Cùng Tổng Công ty	Giá trị xây lắp Tiền kiểm định thiết bị	- 58.929.592	2.774.030.260
Tổng			2.035.791.757	4.450.955.490

Giao dịch khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) - TNHH MTV	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	1.328.269.200	1.660.336.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	Cùng Tổng Công ty	Cổ tức phải trả	58.422.000	73.027.500
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp	Cùng Tổng Công ty	Cổ tức phải trả	342.798.000	428.497.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO	Cùng Tổng Công ty	Cổ tức phải trả	317.308.800	396.636.000
Công ty Cổ phần Cường Thuận IDICO	Cùng Tổng Công ty	Cổ tức phải trả	288.000.000	360.000.000
Tổng			2.334.798.000	2.918.497.500

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÁU B 09 - DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư phải thu và phải thu khác các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam (IDICO) - TNHH MTV	Phải thu khách hàng	-	3.619.045.935
Ban quản lý Nhà máy Thủy điện Đakmi 4	Phải thu khác	-	820.274.713
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	Phải thu khách hàng	35.592.597.906	45.138.903.081
Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Phải thu khác	-	16.683.310.227
Công ty CP Phát triển Đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	Phải thu khách hàng	5.537.523.327	3.191.911.519
	Phải thu khác hàng	95.345.040	295.345.040
	Phải thu khách hàng	1.631.077.000	-
Tổng		42.856.543.273	69.748.790.515

Số dư phải trả và phải trả khác các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị - IDICO (UDICO)	Phải trả nhà cung cấp	70.630.527	2.271.423.588
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	Phải trả nhà cung cấp	77.595.375	404.760.005
Công Ty Cổ phần Kiểm Định VINACONTROL-IVC	Phải trả nhà cung cấp	64.822.551	277.651.749
Tổng		213.048.453	2.953.835.342

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.12 và số 5.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.799.290.357	29.071.273.510
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.544.438.384	89.794.312.783
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000
Tài sản tài chính khác	80.000.000	280.000.000
Tổng	124.423.728.741	124.145.586.293
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	60.237.845.419	49.006.000.920
Phải trả người bán và phải trả khác	15.307.705.045	33.404.481.918
Chi phí phải trả	2.519.266.672	-
Tổng	78.064.817.136	82.410.482.838

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Tên đối tượng	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đô la Mỹ (USD)	46.986.802.025	37.963.681.352	42.615.615.144	13.205.578.084
Euro (EUR)	-	-	12.481.635	25.591.716
Tổng	46.986.802.025	37.963.681.352	42.628.096.779	13.231.169.800

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	15.307.705.045	-	15.307.705.045
Chi phí phải trả	2.519.266.672	-	2.519.266.672
Các khoản vay	52.856.360.851	7.381.484.568	60.237.845.419
Tổng	70.683.332.568	7.381.484.568	78.064.817.136
Tại 01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	33.404.481.918	-	33.404.481.918
Các khoản vay	43.413.645.352	5.592.355.568	49.006.000.920
Tổng	76.818.127.270	5.592.355.568	82.410.482.838

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.799.290.357	-	23.799.290.357
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.544.438.384	-	95.544.438.384
Đầu tư tài chính khác	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	80.000.000	80.000.000
Tổng	124.343.728.741	80.000.000	124.423.728.741
Tại 01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.071.273.510	-	29.071.273.510
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.794.312.783	-	89.794.312.783
Đầu tư tài chính khác	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	280.000.000	280.000.000
Tổng	123.865.586.293	280.000.000	124.145.586.293

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Đồng Nai, ngày 07 tháng 4 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Văn Ngọc

Vũ Thị Hiền

Nguyễn Cao Hà

